

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-ST
Ngày 17 tháng 7 năm 2020
V/v “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Đức Hạnh
2. Ông Hoàng Văn Khảm

-Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Ý Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thịnh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2020/TLST- DS ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N N và P T N T V N;

Địa chỉ: Số 2 L H, phường T C, quận B Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển N T V N.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th: Bà Nguyễn Thị T – Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển N T V N chi nhánh huyện Yên Lạc, Vĩnh Phúc II (theo Văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27 tháng 12 năm 2019).

Người đại diện theo ủy quyền lại của bà T: Ông Nguyễn Văn Tr – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch N Đ - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển N T V N chi nhánh huyện Y L, Vĩnh Phúc II, theo Văn bản ủy quyền số 05/GUQ ngày 24 tháng 02 năm 2020 (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị T1, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn 6, xã Tr H, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc(có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1965.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T2: Bà Trần Thị T1, sinh năm 1967, theo văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 6 năm 2020 (có mặt).

Đều có địa chỉ: Thôn 6, xã Tr H, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 12 năm 2019 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Tr trình bày:

Ngày 11/11/2008, Ngân hàng N N và P T N T V N(sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Trần Thị T1 ký hợp đồng tín dụng số 2803061012876/HĐTD, theo đó bà Trần Thị T1 vay Ngân hàng số tiền 20.000.000đồng.Mục đích vay để chi phí cho anh Nguyễn Văn T3 là con của bàTrần Thị T1 đi lao động ở Đài Loan. Thời hạn vay 24 tháng, hạn trả cuối cùng là ngày 11/11/2010. Lãi suất cho vay tại thời điểm nhận nợ 1,50%/tháng. Lãi suất quá hạn 2,25%/tháng. Lãi suất thay đổi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm. Ngân hàng đã giải ngân cho bà Trần Thị T1 vay số tiền 20.000.000đồng vào ngày 11/11/2008.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị T1 đã không thực hiện việc trả nợ như cam kết trong hợp đồng tín dụng. Ngày 30/10/2009, bà Trần Thị T1 đã trả được cho Ngân hàng số tiền lãi từ ngày 11/11/2008 đến ngày 11/3/2009 là 1.168.333đồng. Kể từ ngày 12/3/2009 cho đến nay, bà Trần Thị T1 không trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đôn đốc trả nợ trong nhiều năm liền liên tục cho đến khi khởi kiện. Tuy nhiên, bà Trần Thị T1 đều xin khất nợ.

Tính đến ngày xét xử (ngày 17/7/2020), bà Trần Thị T1 còn nợ Ngân hàng số tiền 67.153.924đồng, trong đó nợ tiền gốc 20.000.000đồng, nợ tiền lãi 47.153.924đồng (lãi trong hạn 32.438.684đồng, lãi quá hạn 14.715.240đồng).

Trong đơn khởi kiện, Ngân hàng chỉ khởi kiện đối với bà Trần Thị T1 vì bà Trần Thị T1 là người đã ký hợp đồng tín dụng để vay tiền Ngân hàng và xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T1 vì ông T2 không ký kết hợp đồng tín dụng để vay tiền Ngân hàng. Tuy nhiên do bà Trần Thị T1 vay 20.000.000đồng của Ngân hàng để chi phí cho anh Nguyễn Văn T3 (là con của bàTrần Thị T1 và chồng bà T1 là ông Nguyễn Văn T2) đi lao động ở Đài Loan nên Ngân hàng yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn T2 phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 17/7/2020 là 67.153.924đồng, trong

đó nợ tiền gốc 20.000.000đồng, nợ tiền lãi 47.153.924đồng (lãi trong hạn 32.438.684đồng, lãi quá hạn 14.715.240đồng) cùng khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 18/7/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu Tòa án xử lý các tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn T2 để trả nợ cho Ngân hàng trong trường hợp bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn T2 không trả nợ cho Ngân hàng là do Ngân hàng nhằm với trường hợp vay có tài sản bảo đảm. Nay Ngân hàng xin rút yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án giải quyết xử lý các tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn T2.

Bà Trần Thị T1 là bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà xác nhận việc bà có vay Ngân hàng N N và P T N T V N theo hợp đồng tín dụng như đại diện Ngân hàng trình bày ở trên. Bà cũng thừa nhận số tiền bà vay là 20.000.000đồng, số tiền lãi đã trả là 1.168.333đồng và số tiền gốc và tiền lãi còn nợ đúng như đại diện Ngân hàng đã xác định. Khi bà đứng ra vay tiền Ngân hàng cho anh Nguyễn Văn T3 đi lao động ở Đài Loan thì chồng bà là ông Nguyễn Văn T2 có biết. Việc làm hồ sơ vay tiền của Ngân hàng chỉ có một mình bà ký kết và nhận tiền. Bà thừa nhận bà đã không thực hiện đầy đủ và đúng hạn các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng nên Ngân hàng đã phải đôn đốc việc trả nợ trong nhiều năm liên tục cho đến khi Ngân hàng khởi kiện và bà đều xin khất nợ. Tuy nhiên, việc bà không thực hiện đúng thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng là do vợ chồng bà gặp khó khăn về kinh tế chứ không phải cố tình không thực hiện. Bà đồng ý với Ngân hàng là bà còn nợ Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử (ngày 17/7/2020) là 67.153.924đồng, trong đó nợ tiền gốc 20.000.000đồng và nợ tiền lãi 47.153.924đồng (lãi trong hạn 32.438.684đồng, lãi quá hạn 14.715.240đồng). Bà đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng cụ thể như đại diện Ngân hàng yêu cầu về số tiền gốc và tiền lãi phải trả cùng khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 18/7/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tuy nhiên, bà đề nghị Ngân hàng xem xét miễn cho bà và ông Nguyễn Văn T2 số tiền lãi, đối với số tiền gốc bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho bà và ông Nguyễn Văn T2 tuyệt trả dần. Tại phiên tòa, Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện, đó là không yêu cầu Tòa án giải quyết xử lý các tài sản thuộc quyền sở hữu của bà và ông Nguyễn Văn T2, bà đồng ý và không có ý kiến gì.

Bà khẳng định anh Nguyễn Văn T3 không liên quan gì đến việc vay tiền Ngân hàng, bà là người đứng ra ký kết hợp đồng tín dụng và vay tiền Ngân hàng để chi phí cho anh T3 đi lao động ở Đài Loan và Ngân hàng khởi kiện đối với bà

và yêu cầu bà và ông Nguyễn Văn T2 phải trả khoản nợ trên cho Ngân hàng nên bà và ông Nguyễn Văn T2 sẽ chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lấy lời khai của anh Nguyễn Văn T3. Anh T3 xác nhận anh là con bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn T2. Thời điểm cuối năm 2008, anh đi lao động ở Đài Loan nên bà Trần Thị T1 phải vay Ngân hàng 20.000.000đồng cụ thể như bà Trần Thị T1 trình bày ở trên. Tuy nhiên, khi anh đi lao động ở Đài Loan được khoảng hơn một năm thì không có việc làm nên anh phải về nước. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị T1 đã trả được một phần tiền lãi, còn cụ thể anh không nắm bắt được, đối với số tiền gốc bà Trần Thị T1 chưa trả được cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện đối với bà Trần Thị T1 vì bà Trần Thị T1 là người trực tiếp vay tiền Ngân hàng và yêu cầu bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn T2 phải trả khoản nợ trên cho ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết để bà T1, ông T2 phải trả khoản nợ trên cho Ngân hàng. Anh không phải có trách nhiệm gì đối với Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Về giải quyết vụ án: Cần xác định ông Nguyễn Văn T2 là bị đơn và đề nghị Tòa án áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng quy định, Điều 147, khoản 2 Điều 244 BLTTDS năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N N và P T N T V N buộc ông Nguyễn Văn T2, bà Trần Thị T1 phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tạm tính 17/7/2020 là 67.153.924đồng, trong đó 20.000.000đồng (tiền gốc), 47.153.924đồng (tiền lãi). Chấp nhận yêu cầu tính lãi phát sinh từ 18/7/2020 cho đến khi ông T2, bà T1 thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất như hợp đồng vay. Đình chỉ đối với yêu cầu xử lý tài sản của ông T2, bà T1 để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện: Ngân hàng N N và P T N T V N khởi kiện đối với bà Trần Thị T1 và yêu cầu

Toà án giải quyết buộc bị đơn bà Trần Thị T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2 phải trả số tiền gốc và tiền lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng mà bà Trần Thị T1 đã ký kết với Ngân hàng. Tại thời điểm khởi kiện và thụ lý vụ án bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn T2 có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thôn 6, xã Tr H, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng về thẩm quyền. Các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh nên ngày 20 tháng 02 năm 2020, Ngân hàng đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Ngân hàng và bà Trần Thị T1 ký kết hợp đồng tín dụng số 2803061012876/HĐTD vào ngày 11/11/2008. Như vậy hợp đồng tín dụng này đã được hai bên giao kết thực hiện hợp đồng trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực. Tuy nhiên giao dịch dân sự đang được thực hiện và giao dịch có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, pháp luật được áp dụng giải quyết trong vụ án này là Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Trong đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết xử lý các tài sản thuộc quyền sở hữu của bị đơn bà Trần Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2 để trả nợ cho Ngân hàng trong trường hợp bà Trần Thị T1, ông Nguyễn Văn T2 không trả nợ cho Ngân hàng nhưng tại phiên tòa nguyên đơn đã rút yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận để đình chỉ xét xử đối với yêu cầu mà nguyên đơn đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về Nội dung:

Tại thời điểm Ngân hàng và bà Trần Thị T1 giao kết hợp đồng tín dụng, bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn T2 là vợ chồng và mục đích bà Trần Thị T1 vay tiền Ngân hàng để chi phí cho anh Nguyễn Văn T3 (là con của bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn T2) đi lao động ở Đài Loan. Ông Nguyễn Văn T2 cũng đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng để ông Nguyễn Văn T2 cùng bà Trần Thị T1 trả khoản nợ cho Ngân hàng nên cần buộc bà Trần Thị T1, ông Nguyễn Văn T2 phải trả toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng là phù hợp và không xác định anh Nguyễn Văn T3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này vì anh T3 không vay tiền của Ngân hàng và Ngân hàng cũng không có yêu cầu gì đối với anh Nguyễn Văn T3.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà Trần Thị T1 và yêu cầu bị đơn bà Trần Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2 phải trả khoản nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa Ngân hàng và bà Trần Thị T1 có thỏa thuận ký với nhau hợp đồng tín dụng số 2803061012876/HĐTD ngày 11/11/2008, theo đó Ngân hàng cho bà Trần Thị T1 vay số tiền 20.000.000đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị T1 không trả được số tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng mà các bên đã ký kết. Tính đến ngày 17/7/2020, bà Trần Thị T1, còn nợ Ngân hàng số tiền 67.153.924đồng, trong đó nợ tiền gốc 20.000.000đồng, nợ tiền lãi 47.153.924đồng (lãi trong hạn 32.438.684đồng, lãi quá hạn 14.715.240đồng). Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Do bà Trần Thị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nên việc Ngân hàng khởi kiện đối với bà Trần Thị T1 và yêu cầu bị đơn bà Trần Thị T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2 phải trả tổng số tiền còn nợ 67.153.924đồng, trong đó nợ tiền gốc 20.000.000đồng, nợ tiền lãi 47.153.924đồng (lãi trong hạn 32.438.684đồng, lãi quá hạn 14.715.240đồng) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 18/7/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ tiền gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Việc bà Trần Thị T1, ông Nguyễn Văn T2 xin trả dần số tiền gốc và đề nghị được miễn số tiền lãi nhưng nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bà Trần Thị T1, ông Nguyễn Văn T2.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ cần được chấp nhận, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu $67.153.924\text{đồng} \times 5\% = 3.357.696\text{đồng}$ (làm tròn 3.357.000đồng) án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 146, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 470 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút, về việc đề nghị Tòa án xử lý các tài sản thuộc quyền sở hữu của bị đơn bà Trần Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2 để trả nợ cho Ngân hàng trong trường hợp bà Trần Thị T1, ông Nguyễn Văn T2 không trả nợ cho Ngân hàng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N N và P T N T V N.

Buộc bị đơn bà Trần Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2 phải trả cho Ngân hàng N N và P T N T V N tổng số tiền tính đến ngày 17/7/2020 là 67.153.924 đồng (sáu mươi bảy triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, chín trăm hai mươi tư đồng), trong đó nợ tiền gốc 20.000.000 đồng, nợ tiền lãi 47.153.924 đồng (lãi trong hạn 32.438.684 đồng, lãi quá hạn 14.715.240 đồng).

Kể từ ngày 18/7/2020 bà Trần Thị T1, ông Nguyễn Văn T2 còn phải tiếp tục chịu khoản lãi suất phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng 2803061012876/HĐTD ký ngày 11/11/2008 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí: Bà Trần Thị T1 phải nộp 3.357.000 đồng (ba triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng N N và P T N T V N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0005504 ngày 24/02/2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng N N và P T N T V N, bị đơn bà Trần Thị T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Thảo